

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12-CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-ST

Ngày: 22/9/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự - hui và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Út

Bà Đặng Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Võ Huỳnh Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự - hui và hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Tô Văn T, sinh năm: 1958; Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1961; Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Tăng Minh T2, sinh năm: 1970; Địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

2.2. Bà Phan Thị Bé E, sinh năm: 1982; Địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 thống nhất trình bày:

Vào ngày 20/10/2020 và ngày 25/3/2021 (dương lịch) vợ chồng ông T và bà T1 có tham gia 02 phần hui 3.000.000 đồng (mỗi tháng khui một lần) do vợ chồng bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 đứng ra làm chủ hui. Cho đến ngày 20/3/2023 và ngày 25/3/2023 thì hai phần hui mãi vợ chồng ông T và bà T1 sẽ hốt được tổng số tiền 155.000.000 đồng, nhưng do bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 chưa gom đủ tiền nên hẹn đến ngày 13/4/2023 sẽ giao đủ tiền hui cho ông T và bà T1 số tiền 155.000.000 đồng, nhưng đến ngày 13/4/2023 bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 giao trả tiền hui cho ông T và bà T1 chỉ với số tiền 5.000.000 đồng, số tiền 150.000.000 đồng còn lại bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 cùng thống nhất chuyển thành khoản tiền nợ vay 150.000.000 đồng của vợ chồng ông T và bà T1, với lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng kể từ ngày 13/4/2023.

Cũng trong ngày 13/4/2023 vợ chồng ông T và bà T1 có cho bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 mượn 85.000.000 đồng.

Các bên thoả thuận đến ngày 31/12/2023 bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 sẽ trả đủ cho ông T và bà T1 tổng cộng số tiền 235.000.000 đồng (trong đó tiền vay 150.000.000 đồng và tiền mượn 85.000.000 đồng). Việc vay - mượn số tiền trên thì có làm “Giấy xác nhận” ghi ngày 10/7/2023.

Tuy nhiên, kể từ khi vay – mượn số tiền trên của ông T và bà T1, bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 đã vi phạm hợp đồng về dân sự, là không thực hiện đóng lại và cũng không hoàn trả khoản tiền vay - mượn cho ông T và bà T1, đến nay bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 cứ hứa hẹn nhiều lần vẫn không thực hiện được.

Theo đơn khởi kiện, ông T và bà T1 làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 có trách nhiệm hoàn trả cho ông T và bà T1 số tiền vay 150.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất quá hạn Ngân hàng do Nhà Nước quy định (1,66%/tháng) kể từ ngày 13/04/2023 (dương lịch) cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Buộc bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 có trách nhiệm hoàn trả ông T và bà T1 số tiền mượn 85.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất quá hạn Ngân hàng do Nhà Nước quy định (1,66%/tháng) kể từ ngày 31/12/2023 (dương lịch) cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, theo đó, đối với khoản vay 150.000.000 đồng yêu cầu tính lãi suất 12%/năm (tương ứng 1%/tháng) từ ngày lập “Giấy xác nhận” ngày 10/7/2023 với số tiền lãi là 39.600.000 đồng, đối với số tiền mượn 85.000.000 đồng nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị vắng mặt không lý do. Tuy nhiên theo biên bản ghi lời khai ngày 08/9/2025 bà Phan Thị Bé E trình bày: Đối với số tiền 150.000.000 đồng là tiền hui, bà Bé E và ông T2 thống nhất trả cho bà T1, ông T số tiền này. Đối với số tiền 85.000.000 đồng là tiền vay, bà Bé E và ông T2 cũng thống nhất trả số tiền này. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà Bé E và ông T2 chỉ xin trả tiền gốc không có khả năng trả tiền lãi, mỗi tháng tôi xin trả 2.000.000 đồng/tháng. Bà Bé E và ông T2 cùng thống nhất trả nợ. Các chữ ký trong giấy xác nhận là chữ ký của bị đơn, khi vay tiền thì bà Bé E và ông T2 có đóng lãi 40.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng đối với số tiền 85.000.000 đồng. Do điều kiện đi lại khó khăn bà Phan Thị Bé E xin tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn bà Phan Thị Bé E đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Tăng Minh T2 chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đối với bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E. Buộc bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 274.600.000 đồng, trong đó nợ gốc là 235.000.000 đồng và nợ lãi là 39.600.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền nợ hui và tiền vay, yêu cầu tính lãi suất, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã L (nay là phường L). Do đó, đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự - hui và hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 12 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tăng Minh T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và bà Phan Thị Bé E có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền gốc: Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E trả

235.000.000 đồng nợ gốc (trong đó 150.000.000 đồng phát sinh từ tiền hụi, sau đó các bên thỏa thuận chuyển thành tiền vay và tiền mượn 85.000.000 đồng). Yêu cầu này được bà Phan Thị Bé E thừa nhận và thống nhất cùng ông Tăng Minh T2 trả nợ. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định việc ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E có nợ ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là có thật, phù hợp với sự thật khách quan nên buộc ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E phải có nghĩa vụ trả 235.000.000 đồng cho ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất:

Đối với khoản lãi của tiền hụi 150.000.000 đồng nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng, tương ứng là 12%/năm, từ ngày 10/7/2023 đến khi xét xử, xét thấy trong quá trình nợ tiền hụi hai bên đã thỏa thuận chuyển từ 150.000.000 đồng tiền nợ hụi sang tiền vay với mức lãi suất 1%/tháng, việc thỏa thuận lãi suất như trên phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, lãi suất được tính như sau: $150.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm}, 02 \text{ tháng } 12 \text{ ngày}$ (từ ngày 10/7/2023 đến ngày 22/9/2025) = 39.600.000 đồng.

Đối với khoản lãi của tiền mượn 85.000.000 đồng, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh T2 trả cho nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 235.000.000 đồng tiền gốc và 39.600.000 đồng tiền lãi. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đối với số tiền lãi của số tiền 85.000.000 đồng.

[4] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí theo quy định, nguyên đơn miễn tạm ứng án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 39, Điều 91, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đối với bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E.

[2] Buộc bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 tổng số tiền 274.600.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi là 39.600.000 đồng (Ba mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đối với yêu cầu tính lãi suất của số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

Ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được miễn tạm ứng án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E phải chịu phần án phí dân sự là 13.730.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2025). Bị đơn ông Tăng Minh T2 và bà Phan Thị Bé E vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 12 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền